

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ NHỮNG KIỂU CHỮ THÁI CỔ Ở VIỆT NAM

TRẦN TRÍ DŨI*

1. Ở Việt Nam, người Thái là dân tộc thiểu số đông thứ hai với số dân 1.040.549 người (1989), cư trú tập trung ở vùng Tây Bắc thuộc các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Hoà Bình và miền Tây hai tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An. Họ có tên gọi chính là *Thái*, tên tự gọi là *Táy* hay *Tăy* và là dân tộc có một nền văn hoá phong phú và đa dạng. Hiện nay người ta đã tìm thấy trong cộng đồng dân cư này những kiểu chữ cổ truyền thống khác nhau. Dựa vào cách thể hiện và nét chữ, người ta chia chúng thành bốn kiểu khác nhau.

1.1. Chữ của người *Thái Đen* (Tăy Đăm), *Thái Trắng* (Tăy Khao) ở vùng Tây Bắc với các kiểu chữ của những Mường như: *Mường La*, *Mường Xang*, *Mường Tấc* (Sơn La), *Mường Lay*, *Mường Xo*, *Mường Theng* (Lai Châu). Về đại thể, chữ Thái các Mường Tây Bắc là như nhau. Tuy số lượng các ký hiệu phụ âm nhiều ít khác nhau (từ 18 - 23 ký hiệu phụ âm và đều chia thành hai loạt) nhưng các chữ cái biểu thị nguyên âm là thống nhất. Có tất cả 17 ký hiệu thể hiện nguyên âm và vẫn là:

Âm	Vị trí	Chữ Thái	Nghĩa	Âm	Vị trí	Chữ Thái	Nghĩa
i			mi	có	ăn		păn chia
ia			mía	vợ	ăm		năm nước
ê			kê	đá kê	a		ma ngựa

* Phó giáo sư, Tiến sĩ. Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

nó lại có giá trị như vẫn *ăj* (*ăi*), nhưng khi nó ở bên phải phụ âm đầu và âm tiết đã có một chữ cái nguyên âm nữa thì nó có giá trị như một bán nguyên âm thể hiện nét môi hoá của phụ âm. Sau đây là các ví dụ:

Chữ	Âm	Nghĩa	Chữ	Âm	Nghĩa	Chữ	Âm	Nghĩa
	kôn	nói		lăw	rượu		păy	đi
	ngươk	róng		hăw	đầu gối		kăy	gà
	đi	tốt		mừ	tay		đăy	có thể
	đăng	mũi		pung	mũi tên		ngwiên	nguyên
	năng	da		chia	giấy		ngwa	quá
	făng	chôn		hạ	nửa			
	khăw	gạo		tiên	tiên			














Trong số 8 chữ cái thể hiện 6 phụ âm cuối và hai bán nguyên âm (*p*: , *t*: , *k*: , *m*: , *n*: , *ng*: , *w*: , *j*:) chữ Thái Quý Châu cũng có ba trường hợp có âm đọc khác với âm đọc khi nó là phụ âm đầu. Chữ cái khi là âm đầu sẽ được đọc là *b*, khi là âm cuối được đọc là *p*; chữ cái ở vị trí âm đầu có giá trị ngữ âm là *d*, còn ở vị trí âm cuối nó được đọc là *t*; chữ cái nếu ở vị trí âm đầu nó sẽ là *nh*, nhưng ở vị trí âm cuối nó được đọc là *j*. Sau đây là các ví dụ:

Chữ	Âm	Nghĩa	Chữ	Âm	Nghĩa	Chữ	Âm	Nghĩa
	bưan	tháng		đăm	đen		nha	cỏ
	khôp	cần		chệt	bảy		khoz	tôi

1.3. Chữ Thái Lai Pao là dạng chữ được dùng trong một vùng khá hẹp thuộc huyện Tương Dương (Nghệ An) và có tên gọi khác là *Liệp Nặm*. Loại chữ này đã được chúng tôi giới thiệu năm 1997 [6] và đây là một đóng góp mới cho công việc tìm kiếm những giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc. Theo tư liệu hiện có thì chữ Thái này có 26 ký hiệu thể hiện 22 âm đầu. Đặc biệt là chữ Thái Lai Pao sử dụng tới 24 ký hiệu để thể hiện 16 nguyên âm và 5 vần như bảng dưới đây.

Âm	Chữ	Ví dụ		
i	! ✓		mi	có
ê			nghệ an	nghệ an
e	... v ✓		pet	tám
ia	... x ✓		việt nam	việt nam
ư	... 0 ✓		tự đức	tự đức
ơ	... 3 ✓		aiơ	cái gì
	... ✓		kơ	cơm
â	... = ✓		thập	mười
ã	... ✓		văn	văn
a	... 2 ✓		xa	xã
ưa	... ✓		tương đương	tương đương
u	... ☺ ✓		mục	(hương) mục
ô	... w ✓		hội	(phù) hội
ô ô ✓		xông	tổng
o	... / .. ✓		kho	mượn
oo	... 0 ✓		óc	rà
ua	... ✓		huồi	suối
âm	... = ✓		nằm	nước
ăn	... m ✓		văn	văn
aw	... ✓		cau	đúng
ay	... 5 ✓		đay	được
inh	... 5 ✓		đỉnh	xã đỉnh

Như vậy, so với vị trí của phụ âm, các nguyên âm và vần của chữ Thái Lai Pao cũng được thể hiện rất đa dạng. Các nguyên âm *ã, â, ê, i, o, ô, oo, ư, ua*, đôi khi cả *ơ* và vần *ăn* được thể hiện ở trên phụ âm; ở dưới phụ âm là nguyên âm *ư*; các nguyên âm và vần còn lại đều ở bên phải phụ âm.

Với tình hình nghiên cứu hiện nay, người ta nhận thấy chữ Lai Pao có 8 ký hiệu âm cuối thể hiện 6 phụ âm (*p*: , *t*: , *k*:  hoặc , *m*: , *n*:  và *ng*: ) và hai bán nguyên âm (*j*: , *w*: ). Trong số này có 3 chữ cái có cách đọc tùy thuộc vào nó đứng sau hay trước phụ âm. Khi ở vị trí âm đầu,  được đọc là *b* nhưng ở vị trí âm cuối nó được đọc là *p* ( *bản* "bản",  *thập* "mười"); ở vị trí âm đầu,  được đọc là *d*, còn ở vị trí âm

cuối nó được đọc là *t* (𑄑𑄓 *dǎng* “đăng”, 𑄑𑄑𑄓 *pet* “tám”); chữ cái 𑄑 khi là âm đầu được đọc là *d*, nhưng ở âm cuối lại được đọc là *j* (𑄑𑄓 *duang* “tương dương”, 𑄑𑄑𑄓 *huoi* “suối”).

1.4. Kiểu chữ Thái thứ 4 là chữ *Thái Thanh* được dùng trong cộng đồng người Thái có tên là *Man Thanh* cư trú ở vùng Nghệ An và Thanh Hoá. Loại chữ này hiện còn được sử dụng ở người Tày Đèo bên Lào nhưng ở Việt Nam hầu như không còn sử dụng nữa. Chữ Thái Thanh cũng có 18 cặp phụ âm đầu đều đặn như chữ vùng Tây Bắc. Còn về chữ cái nguyên âm và vần, chữ Thái này có một danh sách khá phức tạp. Chúng gồm *a* (𑄑 *cā*), *aw* (𑄑... 𑄑 *cāu*), *ăn* (𑄑𑄓 *căn*), *ăng* (𑄑... 𑄑 *căn*), *ăt* (𑄑... 𑄑 *căn*), *ăk* (𑄑... 𑄑 *căn*), *ăm* (𑄑... 𑄑 *căm*), *ăp* (𑄑... 𑄑 *căm*), *ay* (𑄑... 𑄑 *cây*), *e* (𑄑... 𑄑 *kē*), *ê* (𑄑 *kē*), *êu* (... 𑄑 *kêu*), *ê* (𑄑... 𑄑 *kê*), *ên* (𑄑... 𑄑 *kên*), *i* (𑄑 *kī*), *iw* (... 𑄑 *kīu*), *ia* (𑄑 *kīa*), *iew* (... 𑄑/... 𑄑 *kiêu*), *o* (... 𑄑 *cōi*), *o* (𑄑 *khít*), *ô* (𑄑... 𑄑 *cō*), *ô* (𑄑 *côm*), *ơ* (𑄑... 𑄑 *cō*), *u* (𑄑 *cū*), *ư* (𑄑 *cū*), *ua* (𑄑 *cūa*), *ưa* (𑄑... 𑄑 *cūa*), *wa* (𑄑 𑄑 *cūa*). So với các phụ âm, vị trí của những ký hiệu này được chia thành a) Nhóm viết ở phía trên phụ âm (*ăn, ăng, ăt, ăk, ăm, ăp, ê, êw, i, iw, ia, iew, o, ô, và ư*); b) Nhóm được viết ở dưới phụ âm chỉ có *ư*; c) Nhóm được thể hiện ở trước và trên phụ âm gồm *ay, e, ô, ơ, ê, ên, ưa*; cuối cùng *aw* được thể hiện bằng cách tách ra hai yếu tố.

Qua danh sách vần nói trên, người ta cũng có thể xác định chữ Thái Thanh có 6 phụ âm *p, t, k, m, n, ng* và hai bán nguyên âm *j/y* và *w/u*. Ở đây cũng có ba chữ cái có giá trị khác nhau khi vị trí của chúng khác nhau trong từ. Chữ cái 𑄑, 𑄑, 𑄑 khi là phụ âm đầu sẽ được đọc là *b* (bồ), *đ* (đồ) và *v* (vo) nhưng khi là phụ âm cuối nó sẽ có giá trị là *p, t* và *w*.

2. Bốn kiểu chữ Thái cổ nói trên ở Việt Nam đều là loại chữ ghi âm bắt nguồn từ chữ Ấn Độ cổ và theo truyền thống Khomer. Tuy nhiên nếu như chữ Thái vùng Tây Bắc, Lai Pao, Thái Thanh thể hiện theo hàng ngang thì riêng chữ Quý Châu lại được thể hiện theo hàng thẳng đứng, giống như chữ Hán. Quan sát cách thể hiện nguyên âm vần và âm cuối của bốn kiểu chữ nói trên chúng ta còn thấy những điều đáng chú ý như sau:

2.1. Chữ Thái Tây Bắc có 5 cách thể hiện (*trên, dưới, trái, phải* và *tách rời*); chữ Lai Pao chỉ sử dụng 3 cách thể hiện (*trên, dưới, phải*), còn chữ Thái Thanh thì sử dụng bốn cách là *trên, dưới, trái* và *tách rời*. Mặt khác, danh sách các nguyên âm và vần được thể hiện rất khác nhau. Chẳng hạn nếu chữ Thái Tây Bắc, Thái Thanh *e* được thể hiện phía trái, thì ở chữ Lai Pao *e* được thể hiện ở phía bên phải. Hay như vần *ăm* ở Thái Tây Bắc và Thái Thanh được thể hiện ở phía trên thì Lai Pao được thể hiện ở phần phía phải.

2.2. Cả bốn loại chữ đều sử dụng những cách đọc âm đầu, âm cuối khác nhau của cùng một ký hiệu. Tuy nhiên, nếu chữ Tây Bắc có bốn trường hợp thì các

chữ còn lại chỉ có 3 trường hợp. Hơn nữa chữ Tây Bắc và Lai Pao đều dùng cùng một kiểu ký hiệu để chỉ âm cuối *j* thì Quỳnh Châu lại dùng một âm đầu khác và chữ Thái Thanh lại dùng một ký hiệu riêng để chỉ âm cuối *w*.

3. Một vài sự khác biệt cơ bản nói trên cho chúng ta thấy *bốn kiểu chữ Thái cổ hiện có ở Việt Nam là những kiểu chữ có sự khác nhau rõ rệt*. Trong sự khác nhau ấy chữ Thái Quỳnh Châu tách riêng thành một nhóm riêng lẻ, do lối viết riêng biệt của nó và do cách thể hiện nguyên âm của nó. Chữ Thái Thanh và chữ Thái Tây Bắc gần nhau hơn trong khi chữ Lai Pao có nhiều nét khác với hai kiểu chữ nói trên. Như vậy, những nét giống và khác nhau của bốn kiểu chữ Thái này cho thấy *các dạng chữ Thái cổ ở Việt Nam có cùng một nguyên tắc chung nhưng sự xuất hiện của nó mang tính địa phương rõ rệt*. Nói một cách khác hình như nó xuất hiện không theo hình thức kế thừa tuần tự mà mang dấu ấn từng vùng Thái khác nhau. Nét văn hoá này cho thấy, cộng đồng Thái ở Việt Nam hiện nay có một quá trình hình thành rất đa dạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Guignard, T, *Dictionnaire Laotien - Français*, Hong Kong, 1912.
- Robert, R, *Notes sur les Tay Dèng de Lang Chánh (Thanh Hoá - Annam)*, Hà Nội, 1941.
- Ferlus, M, *Langues et écritures en Asie du Sud Est, the 21st ICSTLL*, Sweden, oct. 1988
- Ferlus, M, *Phonétique et écriture du Tai de Qui chau (Vietnam)*, CLAO, Vol XXII, Paris 1993.
- Hum - phan - rat - ta - na - vong, Chữ Quỳnh Châu của nhóm cư dân Lào - Tây là kiểu chữ quá độ từ chữ tượng hình Trung Quốc thành chữ mẫu Tự Ấn Độ, Ngôn Ngữ, No1 và 2/1996.
- Trần Trí Dõi - Ferlus, M, *Giới thiệu về chữ Lai Pao của người Thái Tương Dương (Nghệ An)*, Văn hoá Nghệ Thuật No7/1997.